

**TÌM HIỂU MỘT SỐ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ AN NINH MẠNG
VÀ QUY TẮC ỨNG XỬ VĂN HOÁ TRÊN MÔI TRƯỜNG SỐ**

LỜI GIỚI THIỆU

Ngày 10/12/2025, Quốc hội khoá XV tại Kỳ họp thứ 10 đã thông qua Luật an ninh mạng số 116/2025/QH15. Luật có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2026 (sau đây gọi là Luật An ninh mạng năm 2025). Luật đã tạo hành lang pháp lý đồng bộ để bảo vệ hệ thống thông tin, dữ liệu và người dân trước các nguy cơ an ninh mạng ngày càng gia tăng, đồng thời bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu bảo vệ an ninh mạng với phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số quốc gia.

Nhằm tuyên truyền, phổ biến một số nội dung Luật An ninh mạng năm 2025, Bộ Quy tắc ứng xử văn hóa trên môi trường số theo Quyết định số 423/QĐ-BVHTTDL ngày 05/3/2026 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, một số mức xử phạt hành chính trên môi trường số đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân trên địa bàn xã Quảng Khê - Hội đồng phối hợp, phổ biến giáo dục pháp luật xã Quảng Khê thông tin phổ biến về ***“Tìm hiểu một số quy định pháp luật về an ninh mạng và quy tắc ứng xử văn hoá trên môi trường số”*** để người dân biết thực hiện.

Tài liệu được biên soạn gồm 02 phần

Phần I: Một số quy định về Luật An ninh mạng

Phần II: Quy tắc ứng xử văn hoá trên môi trường số

Phần III: Một số quy định xử phạt hành chính trên môi trường số

PHẦN I**MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ LUẬT AN NINH MẠNG****Mục 1. MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG**

Câu 1: Luật An ninh mạng năm 2025 quy định như thế nào về “An ninh mạng”, “An ninh thông tin mạng”, “Bảo vệ an ninh mạng”, “Không gian mạng”?

Trả lời:

Theo Điều 2 Luật An ninh mạng năm 2025 thì:

- *An ninh mạng* là sự ổn định, an ninh, an toàn của không gian mạng; bảo vệ hệ thống thông tin và bảo đảm thông tin, dữ liệu, hoạt động trên không gian mạng không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- *An ninh thông tin mạng* là sự bảo đảm tính nguyên vẹn, tính bảo mật, tính khả dụng của thông tin trên không gian mạng, tránh bị truy cập, sử dụng, tiết lộ, sửa đổi trái phép, phá hoại hoặc hành vi khác đe dọa hoặc gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

- *Bảo vệ an ninh mạng* là phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng.

- *Không gian mạng* là môi trường được hình thành bởi hệ thống mạng lưới kết nối của cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, bao gồm mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu; là nơi con người thực hiện các hành vi xã hội không bị giới hạn bởi không gian và thời gian.

Câu 2: Luật An ninh mạng năm 2025 quy định các chính sách của Nhà nước về an ninh mạng như thế nào?

Trả lời: Theo Điều 3 Luật An ninh mạng năm 2025 thì Nhà nước có các Chính sách về an ninh mạng như sau:

1. Xây dựng không gian mạng lành mạnh, không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Ưu tiên bảo vệ an ninh mạng trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, cơ yếu, phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và đối ngoại.

3. Ưu tiên bố trí nguồn lực xây dựng, phát triển lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ bảo vệ an ninh mạng; nâng cao năng lực cho lực lượng bảo vệ an ninh mạng và tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ an ninh mạng; ưu tiên đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ hiện đại phục vụ bảo vệ an ninh mạng; có cơ chế đặc thù, chính sách ưu đãi để huy động, thu hút, đào tạo và sử dụng nhân tài trong lĩnh vực an ninh mạng.

4. Đẩy mạnh liên kết, đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong bảo vệ an ninh mạng; khuyến khích, tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ an ninh mạng, xử lý các nguy cơ đe dọa an ninh mạng; nghiên cứu, phát

triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, ứng dụng nhằm bảo vệ an ninh mạng; sử dụng sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng của Việt Nam.

5. Mở rộng hợp tác quốc tế về an ninh mạng để tăng cường khả năng bảo vệ an ninh mạng; phòng, chống tội phạm mạng và các mối đe dọa về an ninh mạng xuyên quốc gia; tiếp thu công nghệ hiện đại nhằm nâng cao năng lực tự chủ an ninh mạng quốc gia.

Câu 3: Nguyên tắc bảo vệ an ninh mạng được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều 4 Luật An ninh mạng năm 2025 quy định nguyên tắc bảo vệ an ninh mạng như sau:

- Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm an ninh, chủ quyền và lợi ích quốc gia trên không gian mạng.
- Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; sự quản lý thống nhất của Nhà nước; huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân tộc; phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng.
- Kết hợp chặt chẽ giữa bảo vệ an ninh mạng với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, bảo vệ dữ liệu cá nhân, tạo điều kiện cho cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động hợp pháp trên không gian mạng.
- Áp dụng các biện pháp để bảo vệ không gian mạng quốc gia; chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại mọi hoạt động trên không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về an ninh mạng.
- Triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng thường xuyên, liên tục đối với cơ sở hạ tầng không gian mạng quốc gia; chủ động áp dụng các biện pháp bảo vệ hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

Câu 4: Luật An ninh mạng quy định các biện pháp bảo vệ an ninh mạng như thế nào?

Trả lời: Khoản 1 Điều 5 Luật An ninh mạng năm 2025 quy định biện pháp bảo vệ an ninh mạng bao gồm:

- Thẩm định an ninh mạng;
- Đánh giá điều kiện an ninh mạng;
- Kiểm tra an ninh mạng;
- Giám sát an ninh mạng;
- Ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng;
- Đấu tranh bảo vệ an ninh mạng;
- Sử dụng mật mã để bảo vệ thông tin mạng;
- Sử dụng giải pháp kỹ thuật để bảo vệ an ninh thông tin mạng, an ninh dữ liệu, hệ thống thông tin; ngăn chặn thông tin vi phạm pháp luật;
- Ngăn chặn, yêu cầu tạm ngừng, ngừng cung cấp thông tin mạng; đình chỉ, tạm đình chỉ các hoạt động thiết lập, cung cấp và sử dụng mạng viễn thông, mạng

Internet, sản xuất và sử dụng thiết bị phát, thu phát sóng vô tuyến theo quy định của pháp luật;

- Yêu cầu xóa bỏ, truy cập xóa bỏ thông tin trái pháp luật hoặc thông tin sai sự thật, tin giả trên không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

- Thu thập dữ liệu điện tử liên quan đến hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên không gian mạng;

- Phong tỏa, hạn chế hoạt động của hệ thống thông tin; đình chỉ, tạm đình chỉ hoặc yêu cầu ngừng hoạt động của hệ thống thông tin, thu hồi tên miền theo quy định của pháp luật;

- Khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Biện pháp khác theo quy định của pháp luật về an ninh quốc gia, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Câu 5: Luật An ninh mạng năm 2025 quy định những hành vi nào bị nghiêm cấm về an ninh mạng?

Trả lời:

Tại Điều 7 Luật An ninh mạng năm 2025 quy định các hành vi nghiêm cấm về an ninh mạng như sau:

1. Đăng tải, phát tán thông tin có nội dung sau trên không gian mạng:

- Tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm: tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân; chiến tranh tâm lý, kích động chiến tranh xâm lược, chia rẽ, gây thù hận giữa các dân tộc, tôn giáo và nhân dân các nước; xúc phạm dân tộc, quốc kỳ, quốc huy, quốc ca, vĩ nhân, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc;

- Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm tôn giáo, phân biệt đối xử về giới, phân biệt chủng tộc;

- Bịa đặt, vu khống, thông tin sai sự thật, xâm phạm nhân phẩm, danh dự, uy tín của người khác hoặc gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác;

- Sai sự thật gây hoang mang trong Nhân dân, gây thiệt hại cho hoạt động kinh tế - xã hội, gây khó khăn cho hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước hoặc người thi hành công vụ, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác; thông tin bịa đặt, sai sự thật về sản phẩm, hàng hóa, tiền, trái phiếu, tín phiếu, công trái, séc và các loại giấy tờ có giá khác; thông tin bịa đặt, sai sự thật trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, thương mại điện tử, kinh doanh theo phương thức đa cấp, chứng khoán.

2. Thực hiện hành vi sau trên không gian mạng:

- Tổ chức, hoạt động, câu kết, xúi giục, mua chuộc, lừa gạt, lôi kéo, đào tạo, huấn luyện người chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Kích động, kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, gây chia rẽ, tiến hành hoạt động vũ trang hoặc dùng bạo lực nhằm chống chính quyền nhân dân; kêu gọi, vận

động, xúi giục, đe dọa, lôi kéo tụ tập đông người gây rối, chống người thi hành công vụ, cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức gây mất ổn định về an ninh, trật tự;

- Chiếm đoạt, mua bán, thu giữ, cố ý làm lộ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh; chiếm đoạt, mua bán, thu giữ, cố ý làm lộ bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư gây ảnh hưởng đến danh dự, uy tín, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; cố ý nghe lén, ghi âm, ghi hình trái phép các cuộc đàm thoại trên không gian mạng; tiết lộ thông tin về sản phẩm mật mã dân sự, thông tin về khách hàng sử dụng hợp pháp sản phẩm mật mã dân sự; sử dụng, kinh doanh các sản phẩm mật mã dân sự không rõ nguồn gốc;

- Hoạt động mại dâm, tệ nạn xã hội, mua bán người, các bộ phận cơ thể người; tuyên truyền văn hóa phẩm dâm ô, đồi trụy; kích động, cổ xúy bạo lực, lối sống trụy lạc, lệch chuẩn, phá hoại thuần phong, mỹ tục của dân tộc, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng;

- Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tổ chức đánh bạc, đánh bạc qua mạng Internet; trộm cắp cước viễn thông quốc tế trên nền Internet; tuyên truyền, quảng cáo, mua bán hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục cấm theo quy định của pháp luật; vi phạm bản quyền và sở hữu trí tuệ trên không gian mạng;

- Giả mạo trang thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân; làm giả, lưu hành, trộm cắp, mua bán, thu thập, trao đổi trái phép thông tin thẻ tín dụng, tài khoản ngân hàng, tài sản mã hóa, tài sản số của người khác; phát hành, cung cấp, sử dụng trái phép các phương tiện thanh toán; giả mạo giấy tờ của cơ quan, tổ chức;

- Sử dụng trí tuệ nhân tạo hoặc công nghệ mới để giả mạo video, hình ảnh, giọng nói của người khác trái quy định của pháp luật; tạo lập, đăng tải, phát tán thông tin quy định tại khoản 1 nêu trên;

- Thu thập, sử dụng, phát tán, trao đổi, chuyển nhượng, kinh doanh trái pháp luật thông tin, dữ liệu cá nhân của người khác;

- Dấn, xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội hoặc thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;

- Thực hiện hành vi khác trên không gian mạng bằng việc sử dụng công nghệ thông tin, phương tiện điện tử để vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

3. Thực hiện tấn công mạng, khủng bố mạng, gián điệp mạng, tội phạm mạng, tội phạm sử dụng công nghệ cao; gây sự cố, tấn công, xâm nhập, chiếm quyền điều khiển, làm sai lệch, gián đoạn, ngưng trệ, tê liệt hoặc phá hoại hệ thống thông tin.

4. Sản xuất, đưa vào sử dụng công cụ, phương tiện, phần mềm hoặc có hành vi cản trở, gây rối loạn hoặc phát tán thư rác, tin nhắn rác, cuộc gọi rác, chương trình tin học gây hại đến hoạt động của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử.

5. Xuyên nhập trái phép vào mạng viễn thông, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử của người khác.

6. Chống lại hoặc cản trở hoạt động của lực lượng bảo vệ an ninh mạng; tấn công, vô hiệu hóa trái pháp luật làm mất tác dụng biện pháp bảo vệ an ninh mạng.

7. Lợi dụng hoặc lạm dụng hoạt động bảo vệ an ninh mạng để xâm phạm chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc để trục lợi.

8. Hành vi khác vi phạm quy định Luật An ninh mạng.

Mục 2. PHÒNG NGỪA, XỬ LÝ HÀNH VI XÂM PHẠM AN NINH MẠNG

Câu 6: Luật An ninh mạng năm 2025 quy định những thông tin nào trên không gian mạng là thông tin có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng ?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 Luật An ninh mạng năm 2025 thì thông tin trên không gian mạng có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng bao gồm:

- Tuyên truyền thông tin, tài liệu có nội dung xuyên tạc, bôi nhọ, phỉ báng chính quyền nhân dân;
- Chiến tranh tâm lý, kích động chiến tranh xâm lược, chia rẽ, gây thù hận giữa các dân tộc, tôn giáo và nhân dân các nước;
- Xúc phạm dân tộc, quốc kỳ, quốc huy, quốc ca, vĩ nhân, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc;
- Kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, gây chia rẽ, tiến hành hoạt động vũ trang hoặc dùng bạo lực nhằm chống chính quyền nhân dân;
- Kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, lôi kéo tụ tập đông người gây rối, chống người thi hành công vụ, cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức gây mất ổn định về an ninh, trật tự;
- Phản ánh sai lệch, không chính xác về đường biên giới quốc gia, chủ quyền quốc gia Việt Nam; đăng tải, truyền đưa hình ảnh sai lệch, không chính xác, không đầy đủ về bản đồ Việt Nam hoặc thể hiện sai chủ quyền quốc gia Việt Nam.

Câu 7: Luật An ninh mạng năm 2025 quy định những thông tin nào trên không gian mạng là thông tin có nội dung phá hoại chính sách đoàn kết, chính sách kinh tế - xã hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 Luật An ninh mạng năm 2025 thì thông tin trên không gian mạng có nội dung phá hoại chính sách đoàn kết, chính sách kinh tế - xã hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm:

- Gây mâu thuẫn, chia rẽ giữa các tầng lớp nhân dân, giữa nhân dân với chính quyền nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân hoặc các tổ chức chính trị - xã hội;
- Kích động, gây hận thù, kỳ thị, chia rẽ, ly khai dân tộc, xâm phạm quyền bình đẳng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam;
- Kích động, gây mâu thuẫn, chia rẽ người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, giữa người theo các tôn giáo khác nhau, chia rẽ các tín đồ tôn giáo với chính quyền nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân hoặc các tổ chức chính trị - xã hội;
- Phá hoại, cản trở việc thực hiện chính sách đoàn kết quốc tế;
- Tuyên truyền gây tổn hại trực tiếp hoặc gián tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước về chính trị, kinh tế, xã hội, uy tín quốc tế;
- Kêu gọi, kích động phá hoại việc thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội, gây cản trở việc thực thi các chính sách;
- Kêu gọi, kích động phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Câu 8: Luật An ninh mạng năm 2025 quy định những thông tin nào trên không gian mạng là thông tin có nội dung xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 Luật An ninh mạng năm 2025 thì thông tin trên không gian mạng có nội dung xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bao gồm:

- Lan truyền thông tin xuyên tạc, bịa đặt, sai sự thật, gây ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động bình thường của tổ chức;
- Kêu gọi, vận động, xúi giục tẩy chay sản phẩm, dịch vụ, hàng hóa, nhãn hàng, thương hiệu của tổ chức, doanh nghiệp, gây thiệt hại về vật chất, uy tín của tổ chức, doanh nghiệp;
- Mạo danh, giả mạo thông tin, hình ảnh, làm nhái sản phẩm, nhãn hiệu hàng hóa, thương hiệu của tổ chức, doanh nghiệp bằng cách sử dụng các tiện ích công nghệ, gây ảnh hưởng đến uy tín của tổ chức, doanh nghiệp;
- Xúc phạm danh dự, uy tín, nhân phẩm của người khác;
- Xuyên tạc sự thật, gây ảnh hưởng đến danh dự, uy tín, nhân phẩm của người khác;
- Bịa đặt hoặc lan truyền thông tin biết rõ là sai sự thật gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác;
- Bịa đặt người khác phạm tội và tố cáo họ trước cơ quan có thẩm quyền;

- Mạo danh, giả mạo thông tin, hình ảnh, giọng nói của cá nhân, gây ảnh hưởng đến uy tín, danh dự, nhân phẩm của cá nhân.

Câu 9: Luật An ninh mạng năm 2025 quy định những hành vi nào là hành vi sử dụng công nghệ thông tin, phương tiện điện tử xâm phạm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng?

Trả lời:

Theo Khoản 4 Điều 13 Luật An ninh mạng năm 2025 thì các hành vi thực hiện trên không gian mạng bằng việc sử dụng công nghệ thông tin, phương tiện điện tử xâm phạm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội bao gồm:

1. Đăng tải, phát tán thông tin trên không gian mạng có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng; phá hoại chính sách đoàn kết, chính sách kinh tế - xã hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ; xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

2. Hành vi gián điệp mạng; xâm phạm bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư trên không gian mạng bao gồm:

- Chiếm đoạt, mua bán, thu giữ, cố ý làm lộ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh; chiếm đoạt, mua bán, thu giữ, cố ý làm lộ bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư gây ảnh hưởng đến danh dự, uy tín, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

- Cố ý xóa, làm hư hỏng, thất lạc, thay đổi thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư được truyền đưa, lưu trữ trên không gian mạng;

- Cố ý thay đổi, hủy bỏ hoặc làm vô hiệu hóa biện pháp kỹ thuật được xây dựng, áp dụng để bảo vệ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư;

- Đưa lên không gian mạng những thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư trái quy định của pháp luật;

- Cố ý nghe, ghi âm, ghi hình trái phép các cuộc đàm thoại;

- Hành vi khác cố ý xâm phạm bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư.

3. Chiếm đoạt tài sản; tổ chức đánh bạc, đánh bạc qua mạng Internet; trộm cắp cước viễn thông quốc tế trên nền Internet; vi phạm bản quyền và sở hữu trí tuệ trên không gian mạng;

4. Giả mạo trang thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân; làm giả, lưu hành, trộm cắp, mua bán, thu thập, trao đổi trái phép thông tin thẻ tín dụng, tài khoản ngân hàng của người khác; phát hành, cung cấp, sử dụng trái phép các phương tiện thanh toán; làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức;

5. Tuyên truyền, quảng cáo, mua bán trái phép vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, pháo nổ; ma túy, tiền chất ma túy, chất gây nghiện, chất hướng thần; động

vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm và các hàng hóa, dịch vụ khác thuộc danh mục cấm theo quy định của pháp luật; môi giới mại dâm; truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy; lạm dụng tình dục trẻ em; quấy rối tình dục;

6. Thiết lập, cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ vận hành, kinh doanh, giao dịch, mua bán, tiếp thị trực tuyến cho sàn giao dịch, trang thông tin điện tử, ứng dụng trái phép trên không gian mạng, bao gồm: sàn thương mại điện tử, trang thông tin điện tử, ứng dụng bán hàng, cung cấp dịch vụ thương mại điện tử; sàn giao dịch dựa trên chỉ số các loại hàng hóa; sàn giao dịch tài sản số, kinh doanh theo phương thức đa cấp;

7. Sử dụng danh tính giả, giấy tờ, hồ sơ giả hoặc sử dụng trái phép thông tin của người khác để thành lập doanh nghiệp, thiết lập, đăng ký tài khoản ngân hàng, tài khoản chứng khoán, tài khoản bảo hiểm, tài khoản thuế và tài khoản số khác; thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, tặng cho, công khai trái phép dữ liệu, thông tin tài khoản ngân hàng, thẻ ngân hàng, tài khoản ví điện tử, tài khoản chứng khoán, tài khoản bảo hiểm, tài khoản thuế và các loại tài khoản số khác;

8. Quảng cáo, buôn bán hàng giả, hàng hóa nhập lậu, không rõ nguồn gốc, xuất xứ; hàng hóa lưu thông trong nước bị áp dụng biện pháp khẩn cấp; hàng hóa quá hạn sử dụng;

9. Hướng dẫn người khác thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;

10. Hành vi khác thực hiện trên không gian mạng bằng việc sử dụng công nghệ thông tin, phương tiện điện tử vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Câu 10: Việc phòng ngừa, xử lý thông tin và hành vi sử dụng công nghệ thông tin, phương tiện điện tử xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 14 Luật An ninh mạng năm 2025 thì việc phòng ngừa, xử lý thông tin và hành vi sử dụng công nghệ thông tin, phương tiện điện tử xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng thực hiện như sau:

1. Chủ quản hệ thống thông tin, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng có trách nhiệm triển khai biện pháp quản lý, kỹ thuật để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng; phá hoại chính sách đoàn kết, chính sách kinh tế - xã hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trên hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý hoặc khi có yêu cầu của lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng

2. Lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng và cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ an ninh mạng theo quy định để xử lý thông tin trên không gian mạng có nội dung nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng; phá hoại chính sách đoàn kết, chính sách kinh tế - xã hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức,

cá nhân theo quy định và đấu tranh, phòng, chống hành vi sử dụng công nghệ thông tin, phương tiện điện tử xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng.

3. Doanh nghiệp trong nước và nước ngoài cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng và chủ quản hệ thống thông tin phối hợp với lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng xử lý thông tin trên không gian mạng có nội dung nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng; phá hoại chính sách đoàn kết, chính sách kinh tế - xã hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân theo quy định và phòng, chống hành vi sử dụng công nghệ thông tin, phương tiện điện tử xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng.

4. Tổ chức, cá nhân soạn thảo, đăng tải, phát tán thông tin trên không gian mạng có nội dung có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng; phá hoại chính sách đoàn kết, chính sách kinh tế - xã hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân theo quy định phải gỡ bỏ thông tin khi có yêu cầu của lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Câu 11: Luật An ninh mạng năm 2025 quy định những hành vi nào là hành vi gián điệp mạng; xâm phạm bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư trên không gian mạng?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 15 Luật An ninh mạng năm 2025 quy định các hành vi gián điệp mạng; xâm phạm bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư trên không gian mạng bao gồm:

- Chiếm đoạt, mua bán, thu giữ, cố ý làm lộ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh; chiếm đoạt, mua bán, thu giữ, cố ý làm lộ bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư gây ảnh hưởng đến danh dự, uy tín, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

- Cố ý xóa, làm hư hỏng, thất lạc, thay đổi thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư được truyền đưa, lưu trữ trên không gian mạng;

- Cố ý thay đổi, hủy bỏ hoặc làm vô hiệu hóa biện pháp kỹ thuật được xây dựng, áp dụng để bảo vệ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư;

- Đưa lên không gian mạng những thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư trái quy định của pháp luật;

- Cố ý nghe, ghi âm, ghi hình trái phép các cuộc đàm thoại;

- Hành vi khác cố ý xâm phạm bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư.

Câu 12: Luật An ninh mạng năm 2025 quy định về trách nhiệm của chủ quản hệ thống thông tin trong phòng, chống gián điệp mạng; bảo vệ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư trên không gian mạng được như thế nào?

Trả lời:

Theo khoản 15 Điều 2 Luật An ninh mạng thì “*Gián điệp mạng*” là hành vi thực hiện trên không gian mạng bằng việc sử dụng công nghệ thông tin hoặc phương tiện điện tử bí mật xâm nhập để chiếm đoạt, thu thập, sao chép thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước, dữ liệu quan trọng của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm mục đích gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Khoản 2 Điều 15 Luật An ninh mạng năm 2025 quy định chủ quản hệ thống thông tin có trách nhiệm về phòng, chống gián điệp mạng; bảo vệ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư trên không gian mạng như sau:

- Kiểm tra an ninh mạng nhằm phát hiện, loại bỏ mã độc, phần cứng độc hại, khắc phục điểm yếu, lỗ hổng bảo mật; phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hoạt động xâm nhập bất hợp pháp hoặc nguy cơ khác đe dọa an ninh mạng;

- Triển khai biện pháp quản lý, kỹ thuật để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn hành vi gián điệp mạng, xâm phạm bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư trên hệ thống thông tin và kịp thời gỡ bỏ thông tin liên quan đến hành vi này;

- Phối hợp, thực hiện yêu cầu của lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng về phòng, chống gián điệp mạng, bảo vệ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư trên hệ thống thông tin.

Câu 13: Luật An ninh mạng năm 2025 quy định như thế nào về phòng, chống xâm hại trẻ em trên không gian mạng?

Trả lời:

Tại Điều 16 Luật An ninh mạng năm 2025 quy định phòng, chống xâm hại trẻ em trên không gian mạng như sau:

1. Trẻ em có quyền được tiếp cận thông tin, tham gia hoạt động xã hội, vui chơi, giải trí, bảo vệ bí mật cá nhân, đời sống riêng tư và các quyền khác trên không gian mạng theo quy định của pháp luật.

2. Trẻ em sử dụng dịch vụ giá trị gia tăng trên không gian mạng thì cha, mẹ hoặc người giám hộ theo quy định của pháp luật về dân sự đăng ký tài khoản bằng thông tin của cha, mẹ hoặc người giám hộ và có trách nhiệm giám sát, quản lý nội dung trẻ em truy cập, đăng tải và chia sẻ thông tin trên các nền tảng dịch vụ đó.

3. Chủ quản hệ thống thông tin, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ giá trị gia tăng trên không gian mạng có các trách nhiệm sau đây:

- Kiểm soát nội dung thông tin trên hệ thống thông tin hoặc trên dịch vụ do doanh nghiệp cung cấp để không gây nguy hại cho trẻ em hoặc xâm hại trẻ em hoặc xâm phạm quyền trẻ em;

- Ngăn chặn việc chia sẻ và xóa bỏ thông tin có nội dung gây nguy hại cho trẻ em hoặc xâm hại trẻ em hoặc xâm phạm quyền trẻ em;

- Xây dựng, triển khai các hệ thống kỹ thuật hỗ trợ hoạt động ngăn chặn nội dung xâm hại trẻ em trên không gian mạng;

- Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện ngăn chặn các nguồn phát tán thông tin xâm hại trẻ em trên không gian mạng;

- Kịp thời thông báo, phối hợp với lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng thuộc Bộ Công an để xử lý.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trên không gian mạng có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong bảo đảm quyền của trẻ em trên không gian mạng; phòng, chống xâm hại trẻ em trên không gian mạng.

5. Cơ quan, tổ chức, cha mẹ, người giám hộ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em và cá nhân khác liên quan có trách nhiệm bảo đảm quyền của trẻ em, bảo vệ trẻ em khi tham gia không gian mạng theo quy định của pháp luật về trẻ em và quy định của Luật này.

6. Lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng và các cơ quan chức năng có trách nhiệm áp dụng biện pháp để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi sử dụng không gian mạng gây nguy hại cho trẻ em, xâm hại trẻ em, xâm phạm quyền trẻ em.

Câu 14: Luật An ninh mạng năm 2025 quy định như thế nào về phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý phần mềm độc hại?

Trả lời:

Tại Điều 17 Luật An ninh mạng năm 2025 quy định phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý phần mềm độc hại như sau:

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn phần mềm độc hại và thực hiện theo hướng dẫn, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chủ quản hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia triển khai hệ thống kỹ thuật nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời phần mềm độc hại.

3. Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thư điện tử, truyền đưa, lưu trữ thông tin phải có hệ thống lọc phần mềm độc hại trong quá trình gửi, nhận, lưu trữ thông tin trên hệ thống của mình và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet có biện pháp quản lý, phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn phát tán phần mềm độc hại và xử lý theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng và Bộ, ngành có liên quan tổ chức phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý phần mềm độc hại gây tổn hại tới an ninh quốc gia.

Câu 15: Luật An ninh mạng năm 2025 quy định như thế nào về hành vi tấn công mạng và hành vi có liên quan đến tấn công mạng?

Trả lời:

Theo khoản 13 Điều 2 Luật An ninh mạng thì “*Tấn công mạng*” là hành vi thực hiện trên không gian mạng bằng việc sử dụng công nghệ thông tin hoặc phương tiện điện tử để chiếm đoạt thông tin, gây rối loạn, gián đoạn, tê liệt hoạt động, phá hoại hoặc kiểm soát hệ thống mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử.

Tại khoản 1 Điều 18 Luật An ninh mạng năm 2025 quy định hành vi tấn công mạng và hành vi có liên quan đến tấn công mạng bao gồm:

- Phát tán chương trình tin học gây hại cho mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử;
- Gây cản trở, rối loạn, làm tê liệt, gián đoạn, ngưng trệ hoạt động, ngăn chặn trái phép việc truyền đưa dữ liệu của không gian mạng;
- Xâm nhập, làm tổn hại, chiếm đoạt dữ liệu được lưu trữ, truyền đưa qua mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử;
- Xâm nhập, tạo ra hoặc khai thác điểm yếu, lỗ hổng bảo mật và dịch vụ hệ thống để chiếm đoạt thông tin, thu lợi bất chính;
- Sản xuất, mua bán, trao đổi, tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm có tính năng gây hại mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử để sử dụng vào mục đích trái pháp luật;
- Hành vi khác gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử.

Câu 16: Luật An ninh mạng năm 2025 quy định như thế nào về phòng, chống khủng bố mạng?

Trả lời:

Theo khoản 14 Điều 2 Luật An ninh mạng thì “*Khủng bố mạng*” là hành vi thực hiện trên không gian mạng bằng việc sử dụng công nghệ thông tin hoặc phương tiện điện tử nhằm gây hoảng sợ trong công chúng hoặc làm mất ổn định chính trị.

Tại Điều 19 Luật An ninh mạng năm 2025 quy định phòng, chống khủng bố mạng như sau:

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm áp dụng biện pháp theo quy định của Luật Luật An ninh mạng và pháp luật về phòng, chống khủng bố để xử lý khủng bố mạng.

2. Chủ quản hệ thống thông tin thường xuyên rà soát, kiểm tra hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý nhằm loại trừ nguy cơ khủng bố mạng.

3. Khi phát hiện dấu hiệu, hành vi khủng bố mạng, cơ quan, tổ chức, cá nhân phải kịp thời báo cho lực lượng bảo vệ an ninh mạng. Cơ quan tiếp nhận tin báo có trách nhiệm tiếp nhận đầy đủ tin báo về khủng bố mạng và kịp thời thông báo cho lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng.

4. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành có liên quan triển khai công tác phòng, chống khủng bố mạng, áp dụng biện pháp vô hiệu hóa nguồn khủng bố mạng, xử lý khủng bố mạng, hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả xảy ra đối với hệ thống thông tin, trừ trường hợp theo quy định.

5. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành có liên quan triển khai công tác phòng, chống khủng bố mạng, áp dụng biện pháp vô hiệu hóa nguồn khủng bố mạng, xử lý khủng bố mạng, hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả xảy ra đối với hệ thống thông tin quân sự.

6. Ban Cơ yếu Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành có liên quan triển khai công tác phòng, chống khủng bố mạng, áp dụng biện pháp vô hiệu hóa nguồn khủng bố mạng, xử lý khủng bố mạng, hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả xảy ra đối với hệ thống thông tin cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ.

Câu 17: Luật An ninh mạng năm 2025 quy định như thế nào là tình huống nguy hiểm về an ninh mạng?

Trả lời:

Theo khoản 18 Điều 2 Luật An ninh mạng thì “*Tình huống nguy hiểm về an ninh mạng*” là trạng thái hoặc diễn biến trên không gian mạng khi có yếu tố tấn công, xâm nhập, kích động, làm lộ, mất thông tin hoặc hành vi khác đe dọa xâm phạm nghiêm trọng đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Khoản 1 Điều 20 Luật An ninh mạng năm 2025 quy định tình huống nguy hiểm về an ninh mạng bao gồm:

- Xuất hiện thông tin kích động trên không gian mạng có nguy cơ xảy ra bạo loạn, phá rối an ninh, khủng bố;
- Tấn công vào hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia;
- Tấn công nhiều hệ thống thông tin trên quy mô lớn, cường độ cao;
- Tấn công mạng nhằm phá hủy công trình quan trọng về an ninh quốc gia, mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia;
- Tấn công mạng xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia; gây tổn hại đặc biệt nghiêm trọng trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Câu 18: Luật An ninh mạng năm 2025 quy định về trách nhiệm trách nhiệm phòng ngừa và biện pháp xử lý tình huống nguy hiểm về an ninh mạng như thế nào?

Trả lời: Khoản 2, 3 Điều 20 Luật An ninh mạng năm 2025 quy định trách nhiệm phòng ngừa và biện pháp xử lý tình huống nguy hiểm về an ninh mạng, cụ thể:

1. Trách nhiệm phòng ngừa tình huống nguy hiểm về an ninh mạng được quy định như sau:

- Lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng phối hợp với chủ quản hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia triển khai các giải pháp kỹ thuật, nghiệp vụ để phòng ngừa, phát hiện, xử lý tình huống nguy hiểm về an ninh mạng;

- Doanh nghiệp viễn thông, Internet, công nghệ thông tin, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp với lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng thuộc Bộ Công an trong phòng ngừa, phát hiện, xử lý tình huống nguy hiểm về an ninh mạng.

2. Biện pháp xử lý tình huống nguy hiểm về an ninh mạng bao gồm:

- Triển khai ngay phương án phòng ngừa, ứng phó khẩn cấp về an ninh mạng, ngăn chặn, loại trừ hoặc giảm nhẹ thiệt hại do tình huống nguy hiểm về an ninh mạng gây ra;

- Thông báo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

- Thu thập thông tin liên quan; theo dõi, giám sát liên tục đối với tình huống nguy hiểm về an ninh mạng;

- Phân tích, đánh giá thông tin, dự báo khả năng, phạm vi ảnh hưởng và mức độ thiệt hại do tình huống nguy hiểm về an ninh mạng gây ra;

- Ngừng cung cấp thông tin mạng tại khu vực cụ thể hoặc ngắt cổng kết nối mạng quốc tế;

- Bố trí lực lượng, phương tiện ngăn chặn, loại bỏ tình huống nguy hiểm về an ninh mạng;

- Biện pháp khác theo quy định của Luật An ninh quốc gia.

Câu 19: Luật An ninh mạng năm 2025 quy định như thế nào về đấu tranh bảo vệ an ninh mạng?

Trả lời: Điều 21 Luật An ninh mạng năm 2025 quy định về đấu tranh bảo vệ an ninh mạng như sau:

1. Đấu tranh bảo vệ an ninh mạng là hoạt động có tổ chức do lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng thực hiện trên không gian mạng nhằm bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

2. Nội dung đấu tranh bảo vệ an ninh mạng bao gồm:

- Giám sát thông tin mạng và phòng ngừa, đấu tranh, xử lý tổ chức, cá nhân có hoạt động sử dụng không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội;

- Sử dụng giải pháp kỹ thuật để ngăn chặn thông tin vi phạm pháp luật;

- Phòng, chống tấn công và bảo vệ hoạt động ổn định của hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia;

- Làm tê liệt hoặc hạn chế hoạt động sử dụng không gian mạng nhằm gây phương hại an ninh quốc gia hoặc gây tổn hại đặc biệt nghiêm trọng trật tự, an toàn xã hội;

- Chủ động tấn công vô hiệu hóa mục tiêu trên không gian mạng nhằm bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

3. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành có liên quan thực hiện đấu tranh bảo vệ an ninh mạng; Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành có liên quan thực hiện đấu tranh bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quân sự.

Câu 20: Luật An ninh mạng năm 2025 quy định như thế nào về ngăn chặn xung đột thông tin trên không gian mạng?

Trả lời:

Tại Điều 22 Luật An ninh mạng năm 2025 quy định về ngăn chặn xung đột thông tin trên không gian mạng như sau:

1. Xung đột thông tin là việc hai hoặc nhiều tổ chức trong nước và nước ngoài sử dụng biện pháp công nghệ, kỹ thuật thông tin gây tổn hại đến thông tin, hệ thống thông tin trên không gian mạng làm ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

2. Ngăn chặn xung đột thông tin trên không gian mạng là việc thực hiện các biện pháp công nghệ, kỹ thuật để giám sát, phát hiện, cảnh báo, xác định nguồn gốc, chặn lọc, gỡ bỏ, phản bác, định hướng dư luận, khắc phục, xử phạt và các biện pháp khác loại trừ xung đột thông tin trên không gian mạng.

3. Tổ chức, cá nhân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau đây:

- Ngăn chặn xung đột thông tin trên không gian mạng từ hệ thống thông tin của mình; hợp tác xác định nguồn, đẩy lùi, khắc phục hậu quả tấn công mạng được thực hiện thông qua hệ thống thông tin của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;

- Ngăn chặn hoạt động của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có mục đích tạo xung đột thông tin trên không gian mạng;

- Loại trừ việc tổ chức thực hiện đăng tải, phát tán thông tin trên không gian mạng có ảnh hưởng nghiêm trọng đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

Câu 21: Luật An ninh mạng năm 2025 quy định như thế nào về tuyển chọn, đào tạo, phát triển lực lượng bảo vệ an ninh mạng?

Trả lời: Theo Điều 32 Luật An ninh mạng năm 2025 quy định về tuyển chọn, đào tạo, phát triển lực lượng bảo vệ an ninh mạng như sau:

- Công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, sức khỏe, trình độ, kiến thức về an ninh mạng, công nghệ thông tin, có nguyện vọng thì có thể được tuyển chọn vào lực lượng bảo vệ an ninh mạng.

- Ưu tiên đào tạo, phát triển lực lượng bảo vệ an ninh mạng có chất lượng cao; phát hiện tài năng trẻ về an ninh mạng, công nghệ thông tin để định hướng học tập, tuyển chọn, thu hút và sử dụng trong lĩnh vực an ninh mạng.

- Ưu tiên phát triển cơ sở đào tạo an ninh mạng đạt tiêu chuẩn quốc tế; khuyến khích liên kết, tạo cơ hội hợp tác về an ninh mạng giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân, trong nước và nước ngoài.

Câu 22: Luật An ninh mạng quy định như thế nào về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng?

Trả lời: Điều 29 Luật An ninh mạng năm 2025 quy định về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng như sau:

- Doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng phải có giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

- Doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng có trách nhiệm sau đây:

- + Thực hiện đúng giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng; tuân thủ quy định của pháp luật về an ninh mạng và quy định khác của pháp luật có liên quan;

- + Bảo đảm về chất lượng sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng đúng với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật trước khi lưu thông trên thị trường;

- + Lập, lưu giữ và bảo mật thông tin của khách hàng, quản lý hồ sơ, tài liệu về giải pháp kỹ thuật, công nghệ của sản phẩm, hoạt động cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật;

- + Từ chối cung cấp sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng khi phát hiện tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về sử dụng sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng, vi phạm cam kết đã thỏa thuận về sử dụng sản phẩm, dịch vụ do doanh nghiệp cung cấp;

- + Phối hợp, tạo điều kiện, thực hiện yêu cầu của lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng để thực hiện các biện pháp bảo vệ an ninh mạng.

Mục 3: TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VỀ AN NINH MẠNG

Câu 23: Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên không gian mạng được quy định như thế nào?

Trả lời:

Tại Điều 41 Luật An ninh mạng năm 2025 thì trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên không gian mạng được quy định như sau:

- Tuân thủ quy định của pháp luật về an ninh mạng.

- Cảnh báo khả năng mất an ninh mạng trong việc sử dụng dịch vụ trên không gian mạng do mình cung cấp và hướng dẫn biện pháp phòng ngừa đối với người sử dụng dịch vụ; xây dựng phương án ứng cứu khẩn cấp bảo đảm an ninh mạng để chủ động xử lý điểm yếu, rủi ro và sự cố an ninh mạng.

- Khi xảy ra sự cố an ninh mạng, ngay lập tức triển khai phương án ứng cứu khẩn cấp bảo đảm an ninh mạng, đồng thời báo cáo ngay với lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng theo quy định của Luật này.

- Áp dụng các biện pháp, giải pháp kỹ thuật để bảo đảm an ninh mạng cho hoạt động xử lý dữ liệu, xử lý dữ liệu cá nhân theo quy định của Luật này, pháp luật về dữ liệu, pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Có trách nhiệm định danh địa chỉ IP của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ internet; cung cấp thông tin định danh địa chỉ IP cho lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng để thực hiện biện pháp bảo vệ an ninh mạng.

- Phối hợp thực hiện theo hướng dẫn của lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng thuộc Bộ Công an để thiết lập hệ thống kết nối, đầu nối đường truyền kỹ thuật, truyền tải dữ liệu và đáp ứng các điều kiện cần thiết khác để triển khai các giải pháp, biện pháp bảo vệ an ninh mạng khi có yêu cầu để phục vụ điều tra, xác minh, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về an ninh mạng.

- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng tại Việt Nam có trách nhiệm thực hiện các quy định nêu trên và có trách nhiệm:

+ Xác thực thông tin khi người dùng đăng ký tài khoản số; bảo mật thông tin, tài khoản của người dùng; cung cấp thông tin người dùng cho lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng thuộc Bộ Công an chậm nhất là 24 giờ kể từ thời điểm có yêu cầu bằng văn bản hoặc thư điện tử, điện thoại hoặc hình thức trao đổi khác đã được xác nhận để phục vụ xác minh, điều tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về an ninh mạng; trường hợp khẩn cấp đe dọa xâm hại an ninh quốc gia, đe dọa tính mạng con người, yêu cầu cung cấp thông tin chậm nhất là 03 giờ;

+ Ngăn chặn việc chia sẻ thông tin, xóa bỏ thông tin, gỡ bỏ dịch vụ, ứng dụng có nội dung vi phạm quy định của Luật này chậm nhất là 24 giờ kể từ thời điểm có yêu cầu của lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng thuộc Bộ Công an và lưu nhật ký hệ thống để phục vụ xác minh, điều tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về an ninh mạng trong thời gian theo quy định của pháp luật; trường hợp khẩn cấp đe dọa xâm hại an ninh quốc gia, yêu cầu ngăn chặn, xóa bỏ thông tin chậm nhất là 06 giờ;

+ Không cung cấp hoặc ngừng cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng cho tổ chức, cá nhân đăng tải trên không gian mạng đối với thông tin có nội dung theo quy định khi có yêu cầu của lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng thuộc Bộ Công an;

+ Lưu trữ thông tin cá nhân của người sử dụng dịch vụ, dữ liệu do người sử dụng dịch vụ tạo ra, bao gồm: tên tài khoản, thời gian sử dụng dịch vụ, thông tin thanh toán phí sử dụng dịch vụ, địa chỉ IP truy cập và các dữ liệu liên quan khác trong thời gian theo quy định của pháp luật sau khi người dùng kết thúc việc sử dụng dịch vụ.

+ Doanh nghiệp trong nước và ngoài nước cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng tại Việt Nam có hoạt động thu thập, khai thác, phân tích, xử lý dữ liệu về thông tin cá nhân, dữ

liệu về mối quan hệ của người sử dụng dịch vụ, dữ liệu do người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam tạo ra phải áp dụng các biện pháp bảo vệ dữ liệu theo quy định của pháp luật và lưu trữ dữ liệu này tại Việt Nam trong thời gian theo quy định của Chính phủ.

Doanh nghiệp ngoài nước thực hiện quy định trên phải đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam.

Câu 24: Trách nhiệm của của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng không gian mạng được quy định như thế nào?

Trả lời:

Tại Điều 42 Luật An ninh mạng năm 2025, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng không gian mạng được quy định rõ như sau:

- Tuân thủ quy định của pháp luật về an ninh mạng.
- Có trách nhiệm bảo mật thông tin đăng ký, mở, quản lý, sử dụng tài khoản số của mình. Trường hợp sử dụng tài khoản số để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, chủ tài khoản số, người sử dụng tài khoản số bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật.
- Kịp thời cung cấp thông tin liên quan đến bảo vệ an ninh mạng, nguy cơ đe dọa an ninh mạng, hành vi xâm phạm an ninh mạng cho cơ quan có thẩm quyền, lực lượng bảo vệ an ninh mạng.
- Thực hiện yêu cầu và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền trong bảo vệ an ninh mạng; giúp đỡ, tạo điều kiện cho cơ quan, tổ chức và người có trách nhiệm tiến hành các biện pháp bảo vệ an ninh mạng.

PHẦN 2: QUY TẮC ỨNG XỬ VĂN HOÁ TRÊN MÔI TRƯỜNG SỐ

Câu 25: Bộ Quy tắc ứng xử văn hoá trên môi trường số được áp dụng trong phạm vi và cho những đối tượng nào?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 1 Bộ Quy tắc ứng xử văn hoá trên môi trường số được ban hành kèm theo Quyết định số 423/QĐ-BVHTTDL ngày 05/3/2026 của Bộ Văn hoá, Thể thao và du lịch (sau đây gọi tắt là Bộ Quy tắc ứng xử trên môi trường số) thì:

- Phạm vi điều chỉnh: Quy định quy tắc ứng xử văn hóa của cá nhân, tổ chức khi tham gia hoạt động trên môi trường số;
- Đối tượng áp dụng gồm:
 - + Cá nhân;
 - + Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội, nền tảng số trong và ngoài nước;
 - + Nhà cung cấp dịch vụ Internet;

+ Cơ quan báo chí, cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình, công ty truyền thông, người kinh doanh dịch vụ quảng cáo, công ty tổ chức nghệ thuật biểu diễn;

+ Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khác.

Câu 26: Bộ Quy tắc ứng xử văn hoá trên môi trường số quy định như thế nào là “Ứng xử văn hóa trên môi trường số”, “Ứng xử văn minh, lịch sự”, “Người có ảnh hưởng trên môi trường số”?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 3 Bộ Quy tắc ứng xử văn hoá trên môi trường số thì:

- Ứng xử văn hóa trên môi trường số là hành vi giao tiếp, tương tác, sáng tạo, chia sẻ và sử dụng thông tin trên môi trường số một cách có trách nhiệm, văn minh, tuân thủ pháp luật, phù hợp với các chuẩn mực văn hóa, đạo đức xã hội, góp phần xây dựng, lan tỏa những giá trị tích cực, nhân văn.

- Ứng xử văn minh, lịch sự là việc thực hiện hành vi giao tiếp, ứng xử có chuẩn mực, thể hiện sự tôn trọng, đúng mực, phù hợp với quy định của pháp luật, chuẩn mực đạo đức và thuần phong mỹ tục, nhằm xây dựng môi trường làm việc, học tập và sinh hoạt lành mạnh, văn hóa, hiệu quả.

- Người có ảnh hưởng (influencer) trên môi trường số là cá nhân có uy tín, được xã hội chú ý hoặc có vai trò định hình dư luận, có khả năng tác động đến nhận thức, thái độ, hành vi của người sử dụng thông qua các phương tiện truyền thông, đặc biệt là mạng xã hội và các nền tảng trực tuyến, dựa trên mức độ uy tín, lượng người theo dõi, mức độ tương tác và khả năng lan tỏa nội dung mà họ tạo ra hoặc chia sẻ.

Câu 27: Quy tắc ứng xử chung trên môi trường số được quy định như thế nào?

Trả lời:

Tại Điều 4 Bộ Quy tắc ứng xử văn hoá trên môi trường số quy định quy tắc ứng xử chung trên môi trường số đối với tất cả các nhóm đối tượng như sau:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi tổ chức, cá nhân.

- Ứng xử văn minh, lịch sự, giữ gìn bản sắc văn hóa, giá trị đạo đức và truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

- Tôn trọng và thúc đẩy các giá trị văn hóa trên môi trường số, phù hợp với chuẩn mực văn hóa, đạo đức xã hội, truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam; tôn trọng sự đa dạng văn hoá, khác biệt vùng miền, dân tộc, tôn giáo.

- Chịu trách nhiệm về hành vi ứng xử trên mạng; phối hợp với cơ quan chức năng để xử lý hành vi, nội dung thông tin vi phạm pháp luật, ứng xử thiếu văn hóa, phản cảm.

Câu 28: Quy tắc ứng xử đối với cá nhân trên môi trường số được quy định như thế nào?

Trả lời:

Tại Điều 5 Bộ Quy tắc ứng xử văn hoá trên môi trường số quy định quy tắc ứng xử đối với cá nhân trên môi trường số như sau:

- Tìm hiểu và tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, quy tắc, tiêu chuẩn cộng đồng của các nền tảng số, mạng xã hội khi tham gia.

- Nên sử dụng họ tên thật của cá nhân hoặc tên, thương hiệu thuộc sở hữu hợp pháp khi tham gia các hoạt động trên môi trường số.

- Khi đăng tải hình ảnh, thông tin cá nhân của người khác trên nền tảng số cần tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ trẻ em; cân nhắc trước khi công khai, cung cấp dữ liệu của cá nhân trên các nền tảng số.

- Cần thận trọng khi tiếp nhận các thông tin chưa được kiểm chứng; chia sẻ thông tin có nguồn gốc rõ ràng, đáng tin cậy, thông tin tích cực, hữu ích, có giá trị văn hóa, nhân văn, thúc đẩy sự phát triển lành mạnh, an toàn trên môi trường số; khuyến khích chia sẻ, lan toả nội dung có giá trị văn hoá, giáo dục, nhân văn.

- Khi phát hiện tin giả, tin sai sự thật và nội dung vi phạm pháp luật, có trách nhiệm thông báo cho nhà cung cấp dịch vụ, các nền tảng số hoặc cơ quan chức năng để xử lý và có cảnh báo kịp thời. Trường hợp cần đăng tải cảnh báo tin giả, tin sai sự thật, thông tin vi phạm pháp luật thì phải có dấu hiệu nhận biết, quan điểm rõ ràng (hình thức gạch chéo màu đỏ).

- Tuân thủ, tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ các sản phẩm số trên môi trường số.

- Khi tham gia thảo luận, phản biện trên môi trường số, cần thể hiện thái độ tôn trọng, giao tiếp văn minh, lịch sự; sử dụng ngôn từ, lời thoại, hình ảnh văn minh, đúng mực, không thô tục, không phản cảm, không xúc phạm hoặc công kích cá nhân; không nói xấu, bôi nhọ tổ chức, cá nhân; không sử dụng từ ngữ, âm thanh, hình ảnh gây thù hận, kích động bạo lực, phân biệt về giới, về vùng miền, dân tộc, tôn giáo, văn hóa.

- Người có ảnh hưởng, chủ các trang cộng đồng, nhóm cộng đồng, kênh nội dung khi tham gia hoạt động trên môi trường số, ngoài việc tuân thủ các quy định nêu trên, cần thực hiện các nội dung sau:

- + Tích cực, chủ động sản xuất, sáng tạo, lan toả những nội dung, sản phẩm có giá trị; phát triển, gìn giữ văn hoá Việt Nam trên các nền tảng số, góp phần xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ mới.

- + Gương mẫu chấp hành các quy định của pháp luật; đề cao trách nhiệm, ảnh hưởng của cá nhân với cộng đồng, xã hội, đặc biệt là đối với giới trẻ; thực hiện lối sống lành mạnh, tích cực; không cổ xúy các hành vi vi phạm pháp luật, trái với thuần phong mỹ tục và các giá trị đạo đức tốt đẹp của dân tộc;

- + Không lợi dụng niềm tin, tình cảm của công chúng, khán giả để trục lợi cá nhân dưới mọi hình thức.

- + Khi thực hiện quảng cáo trên môi trường số, cần thông báo công khai với người tiếp nhận quảng cáo việc mình thực hiện quảng cáo hoặc có nhận được tài trợ; bảo đảm nội dung quảng cáo trung thực, phù hợp với các tài liệu đã công bố

và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan; không quảng cáo các sản phẩm, dịch vụ bị cấm quảng cáo.

Câu 29: Quy tắc ứng xử đối với tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội, nền tảng số trong và ngoài nước trên môi trường số được quy định như thế nào?

Trả lời:

Tại Điều 6 Bộ Quy tắc ứng xử văn hoá trên môi trường số quy định quy tắc ứng xử đối với tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội, nền tảng số trong và ngoài nước như sau:

- Công bố công khai, rõ ràng các điều khoản sử dụng dịch vụ, bao gồm tất cả các quyền và nghĩa vụ của nhà cung cấp dịch vụ và người sử dụng, trong đó có cả phương thức phân phối nội dung hoặc quảng cáo tới khách hàng, các hình thức xử lý tài khoản người sử dụng vi phạm; cho phép người sử dụng lựa chọn phạm vi thông tin đồng ý cung cấp (trừ thông tin bắt buộc cung cấp theo quy định pháp luật).

- Chủ động rà quét, phát hiện và ngăn chặn các hành vi lừa đảo, phát tán tin giả hoặc quảng cáo vi phạm pháp luật; khuyến khích sử dụng công nghệ (AI, phân tích dữ liệu) để phát hiện, ngăn chặn các nội dung vi phạm pháp luật.

- Cung cấp cơ chế, công cụ báo cáo vi phạm rõ ràng, dễ sử dụng cho người dùng; có cơ chế phản hồi sau khi tiếp nhận báo vi phạm hoặc khiếu nại từ người sử dụng theo quy định pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng.

- Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân cung cấp dịch vụ có trách nhiệm phân loại và hiển thị cảnh báo các nội dung không phù hợp với trẻ em; triển khai giải pháp bảo vệ trẻ em trên môi trường số theo quy định của pháp luật về bảo vệ trẻ em.

- Phối hợp với cơ quan chức năng xử lý, ngăn chặn và loại bỏ các nội dung vi phạm pháp luật.

- Phối hợp với cơ quan chức năng truyền thông chính sách đến người sử dụng; khuyến khích tham gia chiến dịch nâng cao nhận thức về văn hóa trên môi trường số.

- Cân nhắc việc hợp tác, đăng tải, chia sẻ thông tin về các hoạt động của người có ảnh hưởng có hành vi vi phạm pháp luật hoặc khi có khuyến nghị của cơ quan quản lý nhà nước.

Câu 30: Quy tắc ứng xử đối với nhà cung cấp dịch vụ Internet trên môi trường số được quy định như thế nào?

Trả lời:

Tại Điều 7 Bộ Quy tắc ứng xử văn hoá trên môi trường số quy định quy tắc ứng xử đối với nhà cung cấp dịch vụ Internet như sau:

- Triển khai công cụ lọc, cảnh báo, hạn chế đối với nội dung vi phạm quy định pháp luật nhằm bảo vệ trẻ em, thanh thiếu niên qua tính năng kiểm soát nội dung, giới hạn độ tuổi, thời gian, chế độ an toàn.

- Tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, không thu thập hoặc sử dụng trái phép thông tin người dùng.

- Hỗ trợ người dùng khi bị xâm hại trên mạng (hướng dẫn cách xử lý, liên hệ cơ quan chức năng); hợp tác cùng trường học, tổ chức xã hội để giáo dục kỹ năng số, văn hoá ứng xử trên môi trường số.

Câu 31: Quy tắc ứng xử đối với cơ quan báo chí, cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình, công ty truyền thông, người kinh doanh dịch vụ quảng cáo, công ty tổ chức nghệ thuật biểu diễn trên môi trường số được quy định như thế nào?

Trả lời:

Tại Điều 8 Bộ Quy tắc ứng xử văn hoá trên môi trường số quy định quy tắc ứng xử đối với cơ quan báo chí, cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình, công ty truyền thông, người kinh doanh dịch vụ quảng cáo, công ty tổ chức nghệ thuật biểu diễn như sau:

- Đối với cơ quan báo chí, cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình:

+ Tăng cường cung cấp thông tin, định hướng dư luận xã hội, tạo sự đồng thuận, niềm tin xã hội; lan tỏa giá trị văn hóa tích cực như gương người tốt, việc tốt, hình ảnh truyền cảm hứng, nét đẹp văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc, góp phần truyền cảm hứng cho xã hội, cộng đồng; phê phán, lên án các hành vi vi phạm Bộ Quy tắc này và các hành vi vi phạm pháp luật.

+ Chủ động tìm hiểu, xác minh để định hướng trước các tin đồn, thông tin thiếu kiểm chứng, chưa rõ nguồn gốc; đấu tranh, phản bác, cảnh báo trước các tin giả, thông tin lừa đảo và thông tin vi phạm pháp luật.

+ Chủ động cân nhắc việc hợp tác, đưa tin, hình ảnh của người có ảnh hưởng có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật hoặc khi có khuyến nghị của cơ quan quản lý nhà nước.

- Đối với công ty truyền thông, người kinh doanh dịch vụ quảng cáo, công ty tổ chức nghệ thuật biểu diễn:

+ Chủ động kiểm soát nội dung truyền thông, quảng cáo và các hoạt động biểu diễn nghệ thuật trên môi trường số.

+ Cân nhắc việc hợp tác với người có ảnh hưởng có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật hoặc khi có khuyến nghị của cơ quan quản lý nhà nước.

Câu 32: Quy tắc ứng xử đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khác trên môi trường số được quy định như thế nào?

Trả lời:

Tại Điều 9 Bộ Quy tắc ứng xử văn hoá trên môi trường số quy định quy tắc ứng xử cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khác như sau:

- Sử dụng chính danh tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc tên, thương hiệu thuộc sở hữu hợp pháp khi tham gia các hoạt động trên môi trường số.

- Phổ biến nội dung quy tắc ứng xử văn hóa trên môi trường số cho các cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên, sinh viên, học sinh thuộc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục.

- Công khai, minh bạch trong các hoạt động truyền thông, quảng bá, quảng cáo; có cơ chế tiếp nhận, xử lý khiếu nại và phản hồi nhanh chóng, minh bạch liên quan đến hoạt động, dịch vụ, sản phẩm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp bằng các hình thức phù hợp.

- Bảo đảm thông tin cung cấp trên mạng đúng sự thật, rõ nguồn gốc, có kiểm chứng; không lan truyền tin giả, không đăng tải, chia sẻ thông tin vi phạm pháp luật, trái đạo đức, trái thuần phong mỹ tục gây ảnh hưởng xấu đến xã hội, đặc biệt là trẻ em, người yếu thế trên môi trường số.

- Gương mẫu trong sử dụng ngôn từ văn minh, chuẩn mực, tôn trọng đối tượng tiếp nhận.

- Tôn trọng quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu cá nhân của người dùng; tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan khi lưu trữ và xử lý dữ liệu của tổ chức, cá nhân.

- Chủ động lan tỏa giá trị tích cực, nội dung nhân văn, sáng tạo, có ích cho cộng đồng, góp phần quảng bá, giới thiệu di sản văn hóa, hình ảnh đẹp về đất nước, con người Việt Nam.

- Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về văn hoá ứng xử trên môi trường số; tham gia các chương trình, chiến dịch truyền thông nhằm xây dựng môi trường mạng lành mạnh, an toàn.

- Khi phát hiện nội dung vi phạm quy định pháp luật, có trách nhiệm thông báo cho nhà cung cấp dịch vụ hoặc cơ quan chức năng để xử lý kịp thời.

Phần III. MỘT SỐ QUY ĐỊNH XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH TRÊN MÔI TRƯỜNG SỐ

Câu 33: Hành vi vi phạm quy định về trang thông tin điện tử bị xử phạt hành chính như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 93 Nghị định số 174/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, giao dịch điện tử và công nghệ thông tin (sau đây viết tắt là Nghị định số 174/2026/NĐ-CP) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026 thì hành vi vi phạm quy định về trang thông tin điện tử như sau:

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp không đầy đủ hoặc không chính xác thông tin về tên của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân quản lý trang thông tin điện tử, tên cơ quan chủ quản (nếu có), địa chỉ liên lạc, thư điện tử, số điện thoại liên hệ, tên người chịu trách nhiệm quản lý nội dung trên trang chủ của trang thông tin điện tử.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, buộc gỡ bỏ đường dẫn đến tin giả, thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn, thông tin vi phạm pháp luật, buộc thu hồi hoặc buộc hoàn trả tên miền, gỡ bỏ ứng dụng do thực hiện hành vi vi phạm đối với một trong các hành vi sau:

- a) Cung cấp, chia sẻ đường dẫn đến thông tin trên mạng có nội dung vi phạm quy định của pháp luật;

b) Đưa tin giả, thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng, buộc gỡ bỏ đường dẫn đến tin giả, thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn, thông tin vi phạm pháp luật, buộc thu hồi hoặc buộc hoàn trả tên miền, gỡ bỏ ứng dụng do thực hiện hành vi vi phạm và tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với một trong các hành vi sau:

a) Đăng, phát, sử dụng hình ảnh bản đồ Việt Nam không thể hiện đầy đủ hoặc thể hiện sai chủ quyền quốc gia;

b) Quảng cáo, tuyên truyền, mua bán hàng hóa, dịch vụ bị cấm;

c) Giả mạo trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân khác;

d) Đăng, phát các tác phẩm báo chí, văn học, nghệ thuật, xuất bản phẩm mà không được sự đồng ý của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc không được phép lưu hành hoặc đã có quyết định cấm lưu hành hoặc tịch thu;

đ) Tuyên truyền, kích động bạo lực, dâm ô, đồi trụy, tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong, mỹ tục của dân tộc.

Lưu ý: Mức phạt tiền trên được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của tổ chức. Trường hợp cá nhân có hành vi vi phạm như của tổ chức thì mức phạt tiền bằng 1/2 mức phạt tiền đối với tổ chức.

Câu 34 : Hành vi vi phạm các quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập mạng xã hội trong nước bị xử phạt hành chính như thế nào?

Trả lời

Theo Điều 94 Nghị định số 174/2026/NĐ-CP thì hành vi vi phạm các quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thiết lập mạng xã hội trong nước bị xử phạt hành chính như sau:

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cung cấp dịch vụ mạng xã hội không đúng theo thỏa thuận cung cấp và sử dụng dịch vụ với người sử dụng dịch vụ;

b) Không công khai hoặc công khai không đầy đủ thỏa thuận cung cấp dịch vụ trên trang chủ của mạng xã hội cho người sử dụng dịch vụ biết để lựa chọn sử dụng dịch vụ;

c) Không công khai hoặc công khai không đầy đủ quy trình, cách thức phân phối nội dung trên nền tảng mạng xã hội trong thỏa thuận cung cấp dịch vụ cho người sử dụng biết để lựa chọn sử dụng dịch vụ;

d) Cung cấp không đầy đủ hoặc không chính xác thông tin về tên của tổ chức quản lý mạng xã hội, tên cơ quan chủ quản (nếu có), địa chỉ liên lạc, thư điện tử, số điện thoại liên hệ, tên người chịu trách nhiệm quản lý nội dung; biểu tượng mạng xã hội đã được cấp phép/cấp xác nhận; số giấy phép/giấy xác nhận đang còn hiệu lực, ngày tháng năm cấp, cơ quan cấp phép trên trang chủ của mạng xã hội theo quy định;

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thực hiện việc ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin, dịch vụ, ứng dụng vi phạm quy định của pháp luật khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội từ 01 tháng đến 03 tháng và đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ mạng xã hội từ 01 tháng đến 03 tháng.

b) Không thực hiện việc khoá các tài khoản, trang cộng đồng, nhóm cộng đồng, kênh nội dung vi phạm pháp luật theo quy định. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội từ 01 tháng đến 03 tháng và đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ mạng xã hội từ 01 tháng đến 03 tháng.

c) Không cung cấp thông tin của người sử dụng dịch vụ mạng xã hội cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu bằng văn bản để phục vụ công tác điều tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội từ 01 tháng đến 03 tháng và đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ mạng xã hội từ 01 tháng đến 03 tháng.

d) Vi phạm một trong các điều kiện về tên miền, tên trang, nhân sự, kỹ thuật, quản lý nội dung thông tin theo quy định;

đ) Sử dụng thông tin cá nhân của người khác trên mạng xã hội nhưng chưa được sự đồng ý của cá nhân đó hoặc sai mục đích theo quy định của pháp luật;

e) Cung cấp dịch vụ không đúng với quy định tại Giấy phép thiết lập mạng xã hội;

g) Cung cấp, truyền đưa đường dẫn đến trang thông tin điện tử hoặc ứng dụng có nội dung vi phạm pháp luật.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ mạng xã hội từ 01 tháng đến 03 tháng, buộc gỡ bỏ thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn hoặc thông tin vi phạm pháp luật, buộc thu hồi tên miền, gỡ bỏ ứng dụng do thực hiện hành vi vi phạm quy định đối với một trong các hành vi sau:

a) Lưu trữ, truyền đưa thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, vu khống, xuyên tạc, xúc phạm uy tín của tổ chức và danh dự, nhân phẩm của cá nhân. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội từ 01 tháng đến 03 tháng

b) Lưu trữ, truyền đưa thông tin cổ súy cho tệ nạn xã hội, mại dâm, mua bán người; đăng tải thông tin dâm ô, đồi trụy; phá hoại thuần phong, mỹ tục của dân tộc, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội từ 01 tháng đến 03 tháng.

c) Lưu trữ, truyền đưa thông tin miêu tả tỉ mỉ hành động chém, giết, tai nạn, kinh dị, rùng rợn. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội từ 01 tháng đến 03 tháng.

d) Lưu trữ, truyền đưa thông tin bịa đặt, gây hoang mang trong Nhân dân, kích động bạo lực, tội ác, tệ nạn xã hội, đánh bạc hoặc phục vụ đánh bạc;

đ) Lưu trữ, truyền đưa nội dung thông tin không phù hợp với lợi ích đất nước;

e) Lưu trữ, truyền đưa thông tin xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm tôn giáo, phân biệt đối xử về giới, phân biệt chủng tộc mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

g) Lưu trữ, truyền đưa, các tác phẩm báo chí, văn học, nghệ thuật, xuất bản phẩm mà không được sự đồng ý của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc không được phép lưu hành hoặc đã có quyết định cấm lưu hành hoặc tịch thu;

h) Lưu trữ, truyền đưa nội dung quảng cáo, tuyên truyền, mua bán hàng hóa, dịch vụ bị cấm;

Lưu ý: Mức phạt tiền trên được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của tổ chức. Trường hợp cá nhân có hành vi vi phạm như của tổ chức thì mức phạt tiền bằng 1/2 mức phạt tiền đối với tổ chức

Câu 35: Hành vi vi phạm các quy định về trách nhiệm sử dụng mạng xã hội bị xử phạt hành chính như thế nào?

Trả lời

Theo Điều 95 Nghị định số 174/2026/NĐ-CP thì hành vi vi phạm các quy định về trách nhiệm sử dụng dịch vụ mạng xã hội như sau:

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, buộc gỡ bỏ thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn hoặc thông tin vi phạm pháp luật đối với hành vi lợi dụng mạng xã hội để thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Cung cấp, chia sẻ thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân;

b) Cung cấp, chia sẻ thông tin cổ súy cho tệ nạn xã hội, mại dâm, mua bán người; đăng tải thông tin dâm ô, đồi trụy; phá hoại thuần phong, mỹ tục của dân tộc, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Cung cấp, chia sẻ thông tin miêu tả tỉ mỉ hành động chém, giết, tai nạn, kinh dị, rùng rợn;

d) Cung cấp, chia sẻ các tác phẩm báo chí, văn học, nghệ thuật, xuất bản phẩm mà không được sự đồng ý của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc chưa được phép lưu hành hoặc đã có quyết định cấm lưu hành hoặc tịch thu;

đ) Quảng cáo, tuyên truyền, chia sẻ thông tin về hàng hóa, dịch vụ bị cấm;

e) Cung cấp, chia sẻ hình ảnh bản đồ Việt Nam nhưng không thể hiện hoặc thể hiện không đúng chủ quyền quốc gia;

g) Cung cấp, chia sẻ đường dẫn đến thông tin trên mạng có nội dung bị cấm;

h) Lợi dụng mạng xã hội để sản xuất nội dung dưới hình thức phóng sự, điều tra, phỏng vấn báo chí;

i) Các cơ quan báo chí không thực hiện thông báo khi thiết lập tài khoản, trang cộng đồng, kênh nội dung, nhóm cộng đồng trên mạng xã hội trong và ngoài nước theo quy định;

k) Chủ tài khoản, chủ kênh nội dung, chủ trang cộng đồng, người quản trị nhóm cộng đồng trên mạng xã hội không thực hiện ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin vi phạm pháp luật, thông tin ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác, thông tin ảnh hưởng đến trẻ em đăng tải trên tài khoản, trang cộng đồng, nhóm cộng đồng hoặc kênh nội dung của mình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, buộc gỡ bỏ thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn hoặc thông tin vi phạm pháp luật, buộc khóa tài khoản, trang cộng đồng, nhóm cộng đồng hoặc kênh nội dung đối với một trong các hành vi sau:

a) Cung cấp, chia sẻ thông tin xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm tôn giáo, phân biệt đối xử về giới, phân biệt chủng tộc mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Tiết lộ thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Cung cấp, chia sẻ thông tin sai sự thật gây hoang mang trong Nhân dân, gây thiệt hại cho hoạt động kinh tế - xã hội, gây khó khăn cho hoạt động của cơ quan nhà nước hoặc người thi hành công vụ, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Lưu ý: Mức phạt tiền trên được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của tổ chức. Trường hợp cá nhân có hành vi vi phạm như của tổ chức thì mức phạt tiền bằng 1/2 mức phạt tiền đối với tổ chức